

CẤU TRÚC ĐỀ THI
Dùng để xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi của Phòng GD&ĐT Tứ Kỳ

Loại đề thi: Chọn Học sinh giỏi lớp 9 THCS

1. MÔN TOÁN

(Chú ý: Trong một câu không nhất thiết phải ra hết các nội dung quy định)

Câu	Nội dung	Điểm
1	- Rút gọn biểu thức (<i>chứa biến hoặc không chứa biến</i>). - Phương trình, bất phương trình quy về bậc hai, bậc ba.	4,0
2	- Hệ phương trình bậc nhất có tham số. - Đồ thị hàm số bậc nhất.	4,0
3	- Hệ phương trình bậc hai hai ẩn. - Hệ phương trình vòng ba ẩn. - Bất đẳng thức (<i>Áp dụng Bất đẳng thức $a^2 + a^2 + \dots + a^2 \geq 0$; Liên hệ giữa trung bình cộng và trung bình nhân, Cauchy – Schwarz ... Những Bất đẳng thức này khi áp dụng phải được chứng minh</i>)	4,0
4	- Hình học phẳng	6,0
5	- Số học (<i>Chứng minh chia hết, phương trình nghiệm nguyên</i>). - Toán tổ hợp: Toán rời rạc, suy luận logic (<i>Nguyên lí Dirichlet...</i>).	2,0

CẤU TRÚC ĐỀ THI
Dùng để xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi của Phòng GD&ĐT Tứ Kỳ

Loại đề thi: Chọn Học sinh giỏi lớp 9 THCS

2. MÔN HÓA HỌC

Câu	Dạng đề	Điểm
Câu 1	Tính chất hoá học thông qua sơ đồ, phương trình, chuỗi phản ứng	4,0 – 5,0
Câu 2	Nhận biết, nêu giải thích hiện tượng, thực hành	4,0 – 3,0 + 2,0 thực hành (nếu có)
Câu 3	Tách tinh chế, điều chế, thực hành	2,0 + 2,0 thực hành (nếu có)
Câu 4	Bài tập: Tính theo phương trình phản ứng, xác định nguyên tố, đơn chất, hợp chất, dung dịch; xác định sản phẩm giữa oxit axit với kiềm.	4,0
Câu 5	Bài tập: Hỗn hợp (kèm cách giải hay), xác định nguyên tố, xác định hợp chất, hiệu suất phản ứng.	4,0

Hướng dẫn: Câu hỏi thực hành ra trong câu 2, câu 3. Điểm của phần này là 2,0 điểm.

CẤU TRÚC ĐỀ THI
Dùng để xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi của Phòng GD&ĐT Tứ Kỳ

Loại đề thi: Chọn Học sinh giỏi lớp 9 THCS

3. MÔN VẬT LÝ

Câu 1. (2,0 điểm) Bài tập thực nghiệm

- Đòn bẩy hoặc chất lỏng.

Câu 2. (5,0 điểm) Cơ học

- Chuyển động thẳng đều.
- Công thức cộng vận tốc.
- Cân bằng của vật, quy tắc đòn bẩy.
- Cơ học chất lỏng, áp suất chất lỏng, lực đẩy Ac-Si-met, nguyên lý Pascal.

Câu 3. (3,5 điểm) Nhiệt học

- Phương trình cân bằng nhiệt. Nhiệt lượng.

Câu 4. (4,0 điểm) Điện một chiều

- Áp dụng định luật Ôm cho đoạn mạch nối tiếp, song song, mạch vô hạn tuần hoàn, mạch đối xứng.

Câu 5. (3,5 điểm) Điện một chiều

- Bài tập công, công suất. Áp dụng định luật Jun-Lenxơ.

Câu 6. (2,0 điểm) Quang học

- Bài tập cho gương, hệ gương.
-

CẤU TRÚC ĐỀ THI
Dùng để xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi của Phòng GD&ĐT Tứ Kỳ

Loại đề thi: Chọn Học sinh giỏi lớp 9 THCS

4. MÔN SINH HỌC

Di truyền và biến dị: (20 điểm/6 câu); 5 câu lý thuyết và 1 câu bài tập (18,0 điểm), Phần thực hành ra trong câu 1, 2, 4 (2,0) điểm.

1. Di truyền Mendel (3,0 điểm)

- Phương pháp, đối tượng nghiên cứu của Mendel.
- Nội dung, cơ sở tế bào học, ý nghĩa của các quy luật Mendel.
- Những cống hiến của Mendel cho di truyền học.
- Bài tập lai; thực hành.

2. Nhiễm sắc thể (5,0 điểm)

- Cấu trúc hiển vi, siêu hiển vi NST.
- Diễn biến quá trình nguyên phân, giảm phân, thụ tinh.
- Cơ chế xác định giới tính. Di truyền liên kết.
- Bài tập nguyên phân, giảm phân, thụ tinh; thực hành.

3. ADN và gen (4,0 điểm)

- Cấu trúc, chức năng của ADN, protein → Mối quan hệ giữa ADN – ARN – protein tính trạng.
- Bài tập ADN, ARN.

4. Biến dị (4,0 điểm)

- Định nghĩa, nguyên nhân, cơ chế phát sinh, tính chất biểu hiện, hậu quả, ý nghĩa của đột biến và thường biến.
- Bài tập biến dị; thực hành.

5. Di truyền học người (2,0 điểm)

- Các phương pháp nghiên cứu di truyền người.
- Nguyên nhân, cơ chế di truyền của một số bệnh tật di truyền ở người.

6. Bài tập thực nghiệm (2,0 điểm)

CẤU TRÚC ĐỀ THI
Dùng để xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi của Phòng GD&ĐT Tứ Kỳ

Loại đề thi: Chọn Học sinh giỏi lớp 9 THCS

5. MÔN NGỮ VĂN

I. Cấu trúc chung: Mỗi đề thi gồm 3 câu hỏi.

Tỉ lệ điểm: Câu 1: 4,0 điểm

Câu 2: 6,0 điểm

Câu 3: 10,0 điểm

II. Phạm vi kiến thức, kĩ năng:

Toàn bộ kiến thức, kĩ năng trong chương trình Ngữ văn THCS, trọng tâm là chương trình Ngữ văn lớp 9 kì I.

Câu 1: Kiểm tra, đánh giá việc nắm kiến thức và kĩ năng cảm thụ văn học

- Các phương châm hội thoại; Cách dẫn trực tiếp, gián tiếp...
- Kiến thức về từ vựng: Trọng tâm là về các phép tu từ...
- Các hình ảnh, chi tiết đặc sắc trong tác phẩm...

Câu 2: Nghị luận xã hội: Vận dụng các kiến thức về đời sống xã hội để tạo lập một văn bản nghị luận xã hội.

- Kiến thức: Về một sự việc, hiện tượng đời sống; về phẩm chất đạo đức, lối sống, tư tưởng gắn với việc rèn kĩ năng sống cho học sinh...
- Kĩ năng: Học sinh biết xử lí vấn đề, giải thích rõ vấn đề, lập luận chặt chẽ, linh hoạt... Bài viết có bố cục rõ, diễn đạt mạch lạc, sáng tạo, thể hiện vốn hiểu biết kiến thức xã hội tốt...

Câu 3: Nghị luận văn học: Vận dụng kiến thức về các tác phẩm văn học để tạo lập một văn bản nghị luận văn học:

- Kiến thức: Các văn bản thơ, truyện trong chương trình Ngữ văn 9 kì I (các vấn đề xoay quanh nội dung, chủ đề, nghệ thuật... của tác phẩm).
- Kĩ năng:
 - + Học sinh hiểu sâu sắc vấn đề bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc, đánh giá vấn đề một cách thuyết phục.
 - + Bố cục bài nghị luận văn học rõ ràng, liên kết chặt chẽ, bày tỏ được những cảm nhận, đánh giá mới, sâu sắc.

===== Hết =====

CẤU TRÚC ĐỀ THI
Dùng để xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi của Phòng GD&ĐT Tứ Kỳ

Loại đề thi: Chọn Học sinh giỏi lớp 9 THCS

6. MÔN LỊCH SỬ

Phần I. Lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay (10,0 điểm)

1. Liên Xô và các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
2. Các nước Á, Phi, Mĩ La tinh từ năm 1945 đến nay.
 - + Quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa.
 - + Các nước châu Á - Trung Quốc.
 - + Các nước Đông Nam Á.
 - + Các nước châu Phi
 - + Các nước Mĩ La tinh.
3. Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay: Nước Mĩ; Nhật Bản và Tây Âu.
4. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay.
5. Cách mạng khoa học – kĩ thuật từ năm 1945 đến nay.
6. Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ sau năm 1945 đến nay.

Phần II. Lịch sử Việt Nam (10,0 điểm)

1. Lịch sử Việt Nam từ năm 1897 đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất (6,0 điểm).

- 1.1. Cuộc kháng chiến chống Pháp từ năm 1858 đến cuối thế kỷ XIX.
 - + Quá trình Pháp xâm lược Việt Nam.
 - + Phong trào kháng chiến chống Pháp từ năm 1858 đến cuối thế kỷ XIX.
 - + Trào lưu cải cách Duy Tân ở Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX.
- 1.2. Lịch sử Việt Nam từ năm 1897 đến năm 1918.
 - + Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở nước ta.
 - + Phong trào yêu nước chống Pháp từ đầu thế kỉ XX đến năm 1918.

2. Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến nay (4,0 điểm).

- 2.1. Những chuyển biến mới về kinh tế, xã hội ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới.
 - Phong trào cách mạng Việt Nam từ 1919 đến năm 1925.

CẤU TRÚC ĐỀ THI
Dùng để xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi của Phòng GD&ĐT Tứ Kỳ

Loại đề thi: Chọn Học sinh giỏi lớp 9 THCS

7. MÔN ĐỊA LÍ

Câu 1 (2,0 điểm) Địa lý tự nhiên đại cương

- Trái Đất, các vận động của Trái Đất.
- Các thành phần tự nhiên của Trái Đất.

Câu 2 (2,0 điểm) Địa lý tự nhiên Việt Nam

- Vị trí giới hạn, hình dạng lãnh thổ.
- Vùng biển Việt Nam.
- Đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất đai, sinh vật.
- Các miền địa lý tự nhiên Việt Nam.

Câu 3. (2,0 điểm) Địa lí dân cư Việt Nam

- Cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Dân số và sự gia tăng dân số.
- Phân bố dân cư.
- Lao động việc làm; chất lượng cuộc sống.

Câu 4 (4,0 điểm) Địa lí kinh tế Việt Nam

- Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.
- Địa lí các ngành kinh tế.

Câu 5 (4,0 điểm) Sự phân hoá lãnh thổ địa lí Việt Nam

- Địa lí các vùng kinh tế.

Câu 6. (6,0 điểm) Bài tập

- Địa lí tự nhiên, kinh tế: Kỹ năng địa lý cơ bản (xác định phương hướng, ngày, giờ, tọa độ địa lý; dựa vào tỉ lệ bản đồ tính khoảng cách thực tế; mô tả, giải thích các hiện tượng địa lý; ...)
- Kỹ năng xử lý số liệu, vẽ biểu đồ, nhận xét, phân tích.
- Bài tập sử dụng Atlas.

Ghi chú: Thí sinh được sử dụng Atlas địa lí trong phòng thi.

CẤU TRÚC ĐỀ THI
Dùng để xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi của Phòng GD&ĐT Tứ Kỳ

Loại đề thi: Chọn Học sinh giỏi lớp 9 THCS
8. MÔN TIẾNG ANH

PARTS	CONTENTS	POINTS (qs=questions)
A. LISTENING (1.5 pts)	<i>Bài thi nghe gồm có 15 câu nằm trong 2 dạng bài tập được lấy từ 2 trong 4 dạng bài tập sau:</i> 1. Decide whether statements are True or False. 2. Fill in each blank with ONE word / number. 3. Answer questions: - Multiple choice questions - Open – ended questions - Short answers 4. Complete the table with the information you hear. <i>Lưu ý: Phần nghe dạng tập tin âm thanh MP3</i>	<i>5qs/10qs = 0.5pt/1.0pt for each</i>
B. PHONETICS (0.5 pt)	<i>Bài thi luyện âm gồm có 05 câu nằm trong 1 dạng bài tập được lấy từ 1 trong 2 dạng bài tập sau hoặc kết hợp tỉ lệ)</i> 1. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of others. 2. Choose the word whose stress pattern is different from that of others.	<i>5qs = 0.5pt</i> <i>5qs = 0.5pt</i>
C. GRAMMAR – VOCABULARY – LANGUAGE FUNCTION (7.0 pts)	<i>Bài thi ngữ pháp, từ vựng và chức năng ngôn ngữ gồm có 30 câu nằm trong 5 dạng bài tập sau:</i> 1. Choose the best word or phrase to complete each sentence. 2. Give the correct forms / tenses of the verbs. 3. Supply the correct form of the words given. 4. Error identification 5. Match the information in column A with its suitable response in column B.	<i>10qs=1.5pts</i> <i>5qs = 1.5pts</i> <i>5qs = 1.5pts</i> <i>5qs = 1.0pt</i>
D. READING (6.0 pts)	<i>Bài thi đọc gồm có 25 câu nằm trong 3 dạng bài tập sau:</i> 1. Read a passage and choose the best answer (A, B, C, D) to fit each space. 2. Read a passage and fill in each blank with one word. 3. Read a passage and choose the best answer/ answer the questions.	<i>10qs=2.0pts</i> <i>10qs=2.0pts</i> <i>5qs = 2.0pts</i>
E. WRITING (5.0 pts)	<i>- Bài thi viết gồm có 10 câu và một bài viết luận nằm trong 3 dạng bài tập sau:</i> 1. Rewrite sentences, beginning with cues given. 2. Use the set of words to write / complete sentences of a passage. 3. Write a paragraph or a letter of about 100 – 150 words on a topic.	<i>5qs = 1.5pts</i> <i>5qs = 1.5pts</i> <i>2.0pts</i>
TOTAL	85 questions + 01 paragraph / letter	20 points

